



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP CENCON Việt Nam

Ngày 31/12/2025	2,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.3%	-	-8.3%

DT thuần Q4/25
19.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.30 -10.4%
YoY: ▼6.40 -24.4%

LN thuần Q4/25
0.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.18 -86.4%
YoY: ▼0.08 -74.0%

LN sau thuế Q4/25
0.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.15 -87.4%
YoY: ▼0.06 -73.1%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
0.4%
YoY: +/-▲ 0.2%

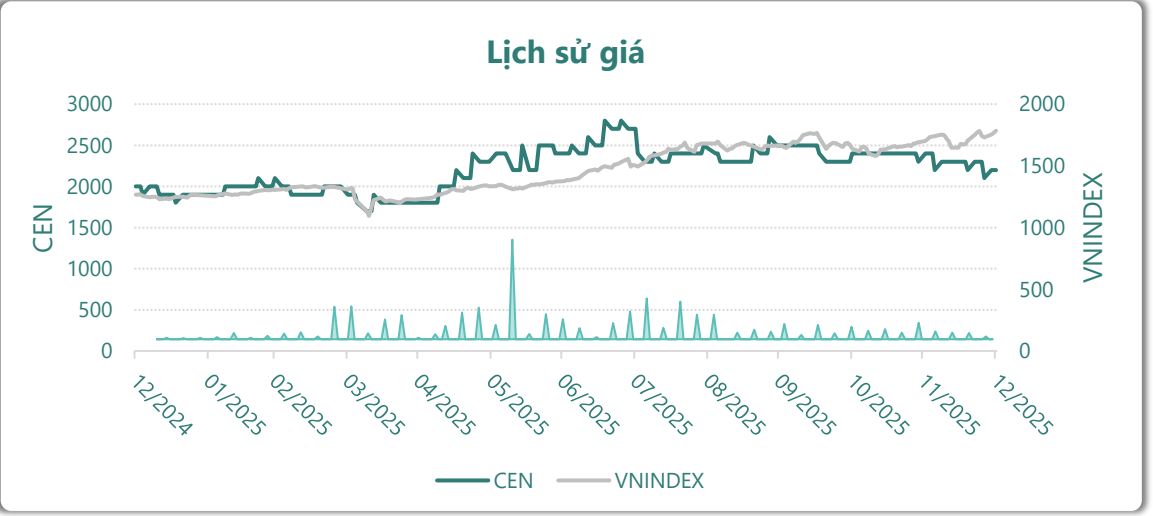
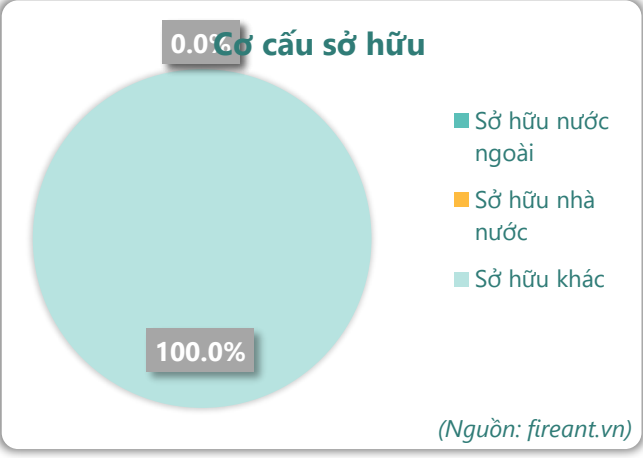
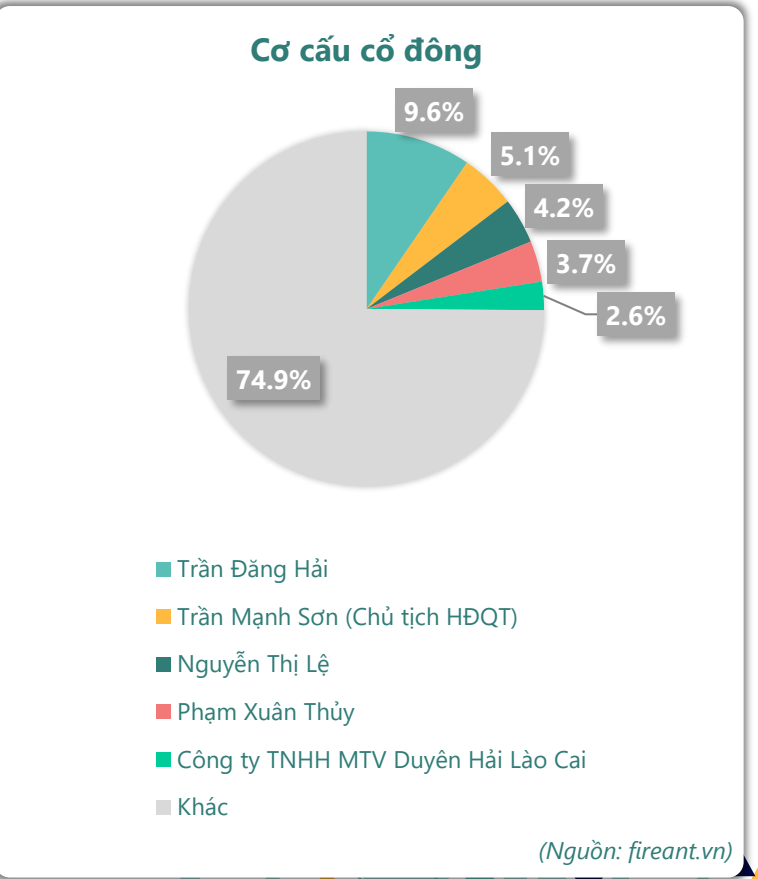
ROE 2025
0.1%
YoY: +/-▲ 0.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,700 - 2,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	48
Số lượng CPLH (CP)	21,712,440
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,600
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.43
EPS	11
P/E	204.5

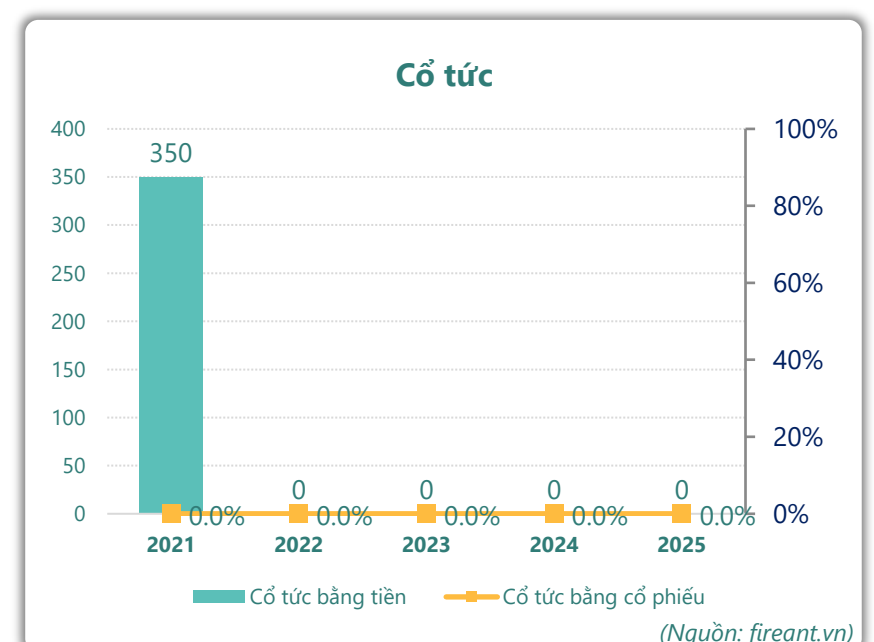
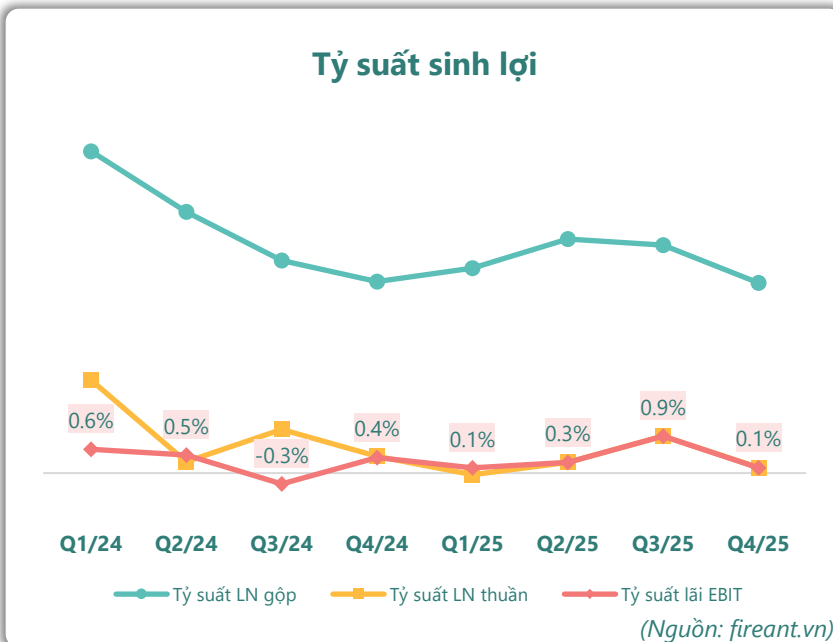
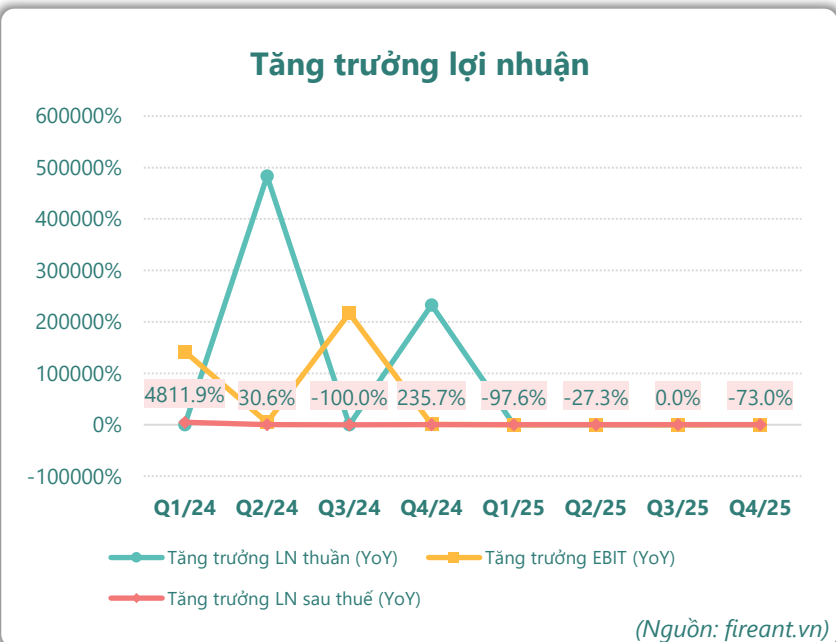
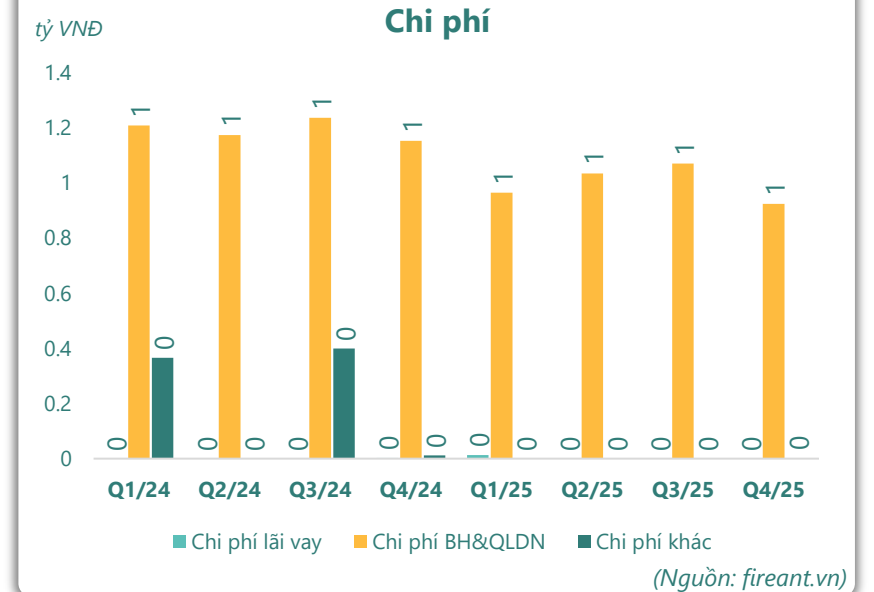
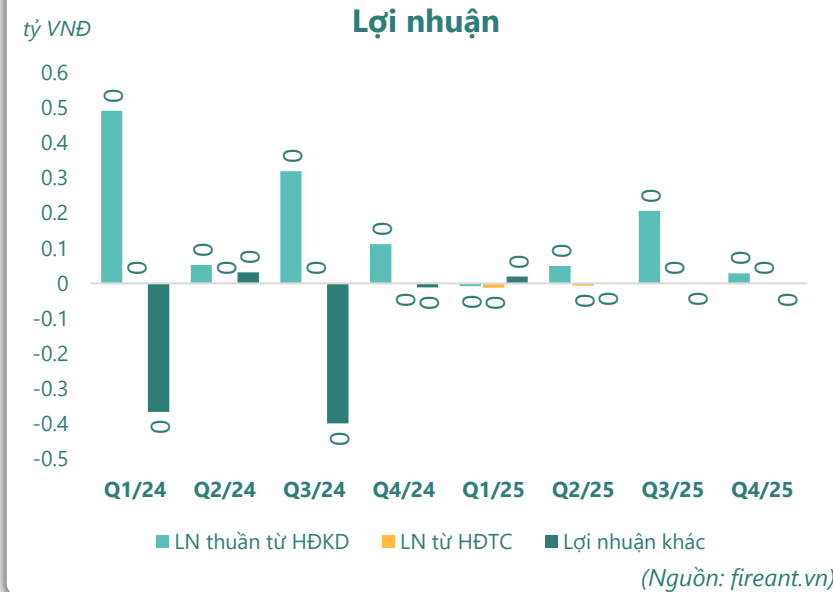
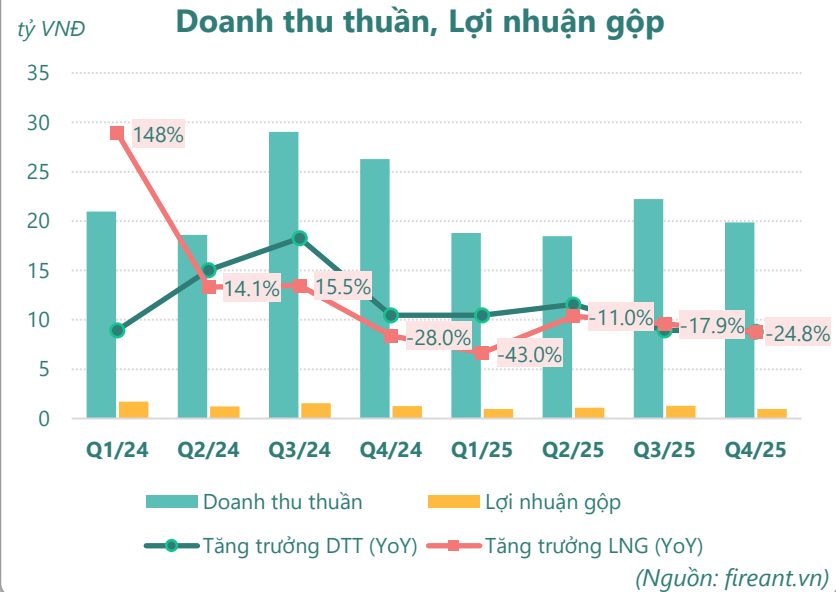
DT thuần 2025
79.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.5 -16.4%

LN thuần 2025
0.28
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.68 -71.1%

LN sau thuế 2025
0.23
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.21 1293%



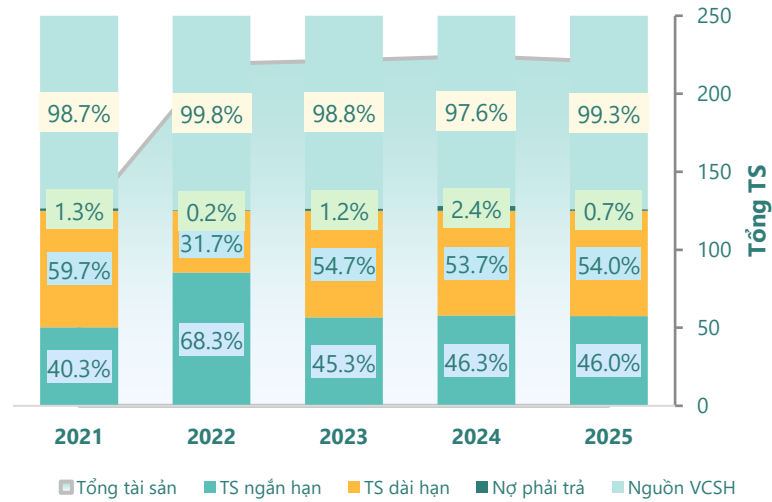
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

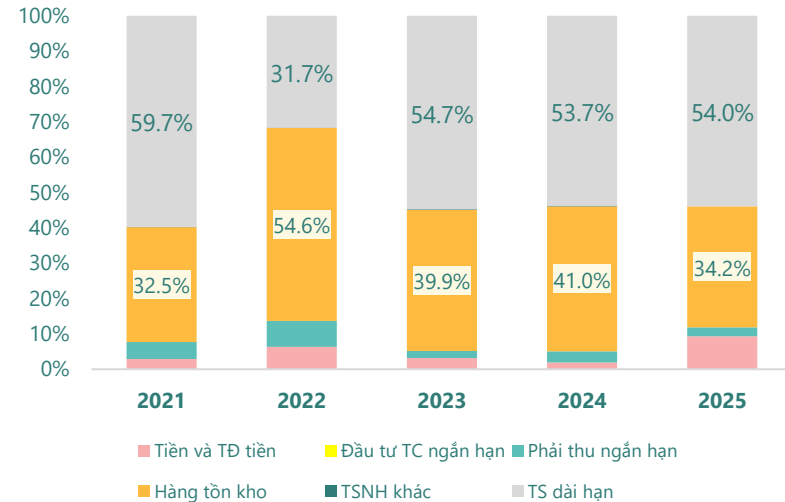
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

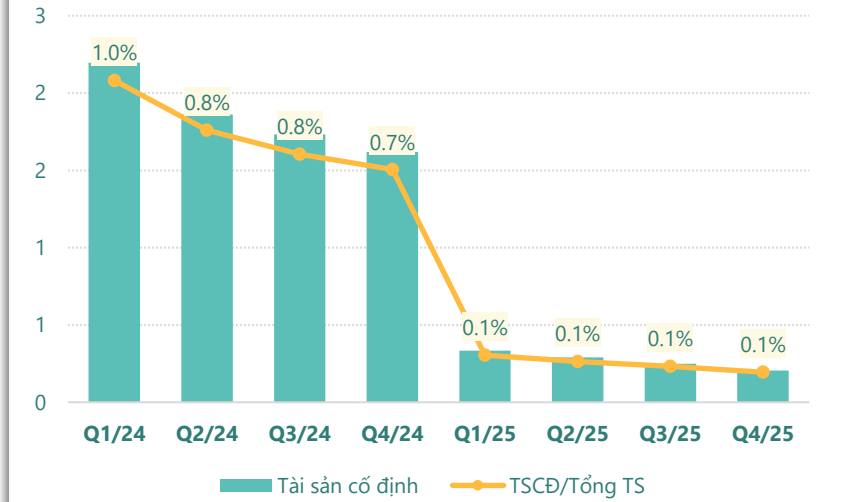
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

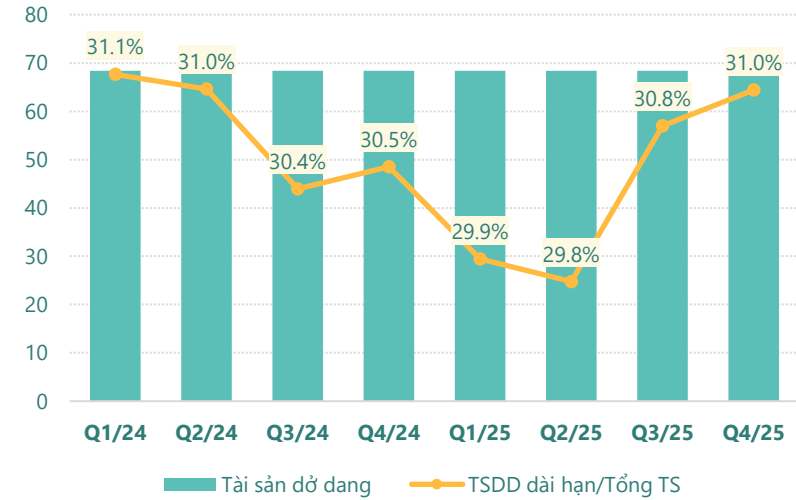
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

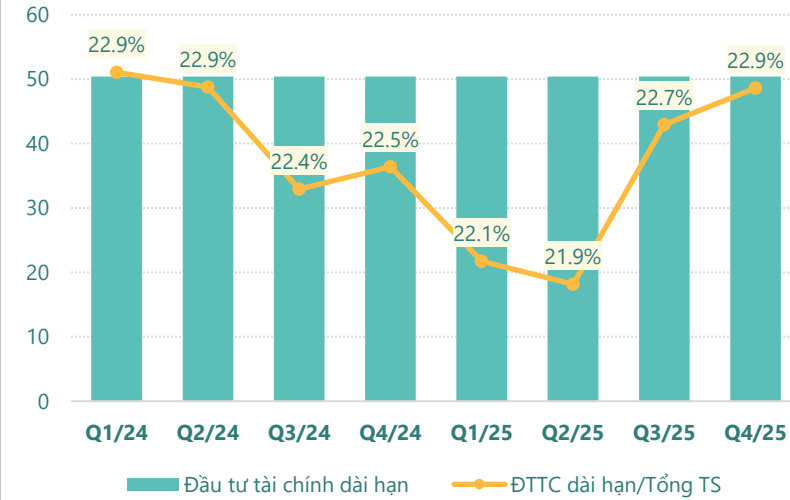
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

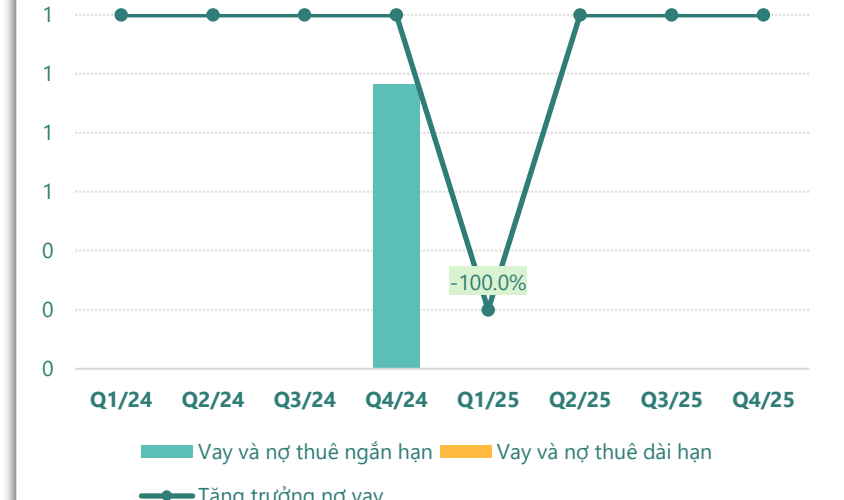
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

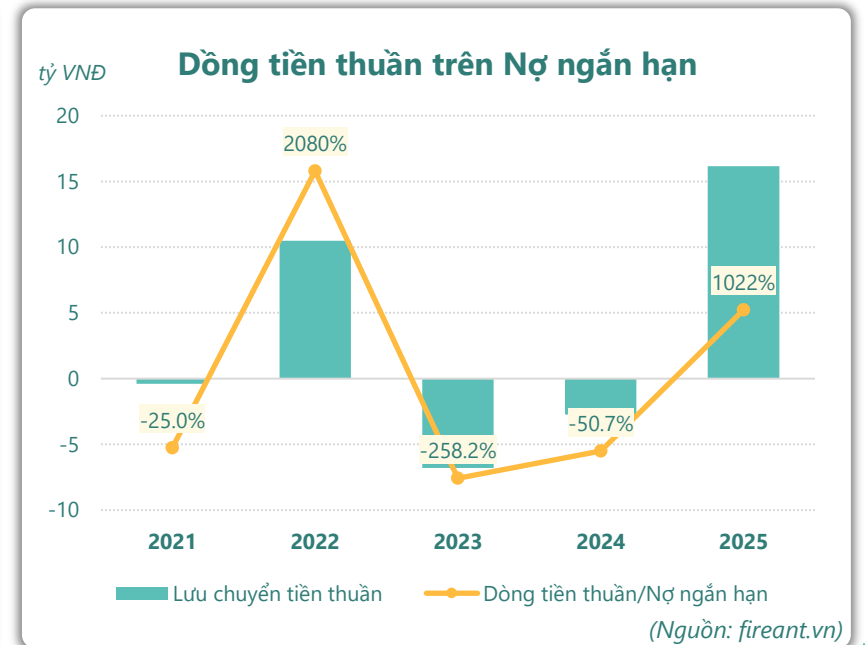
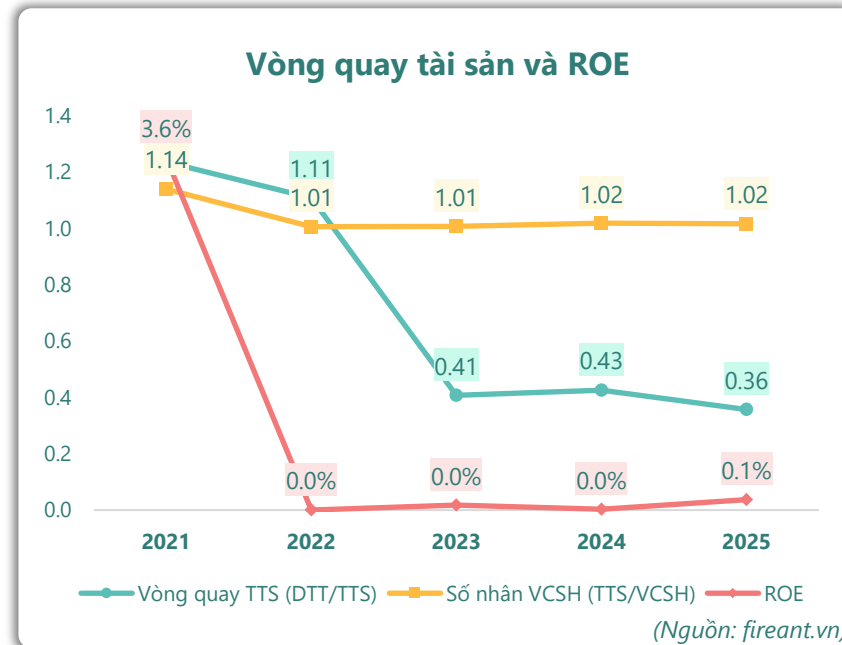
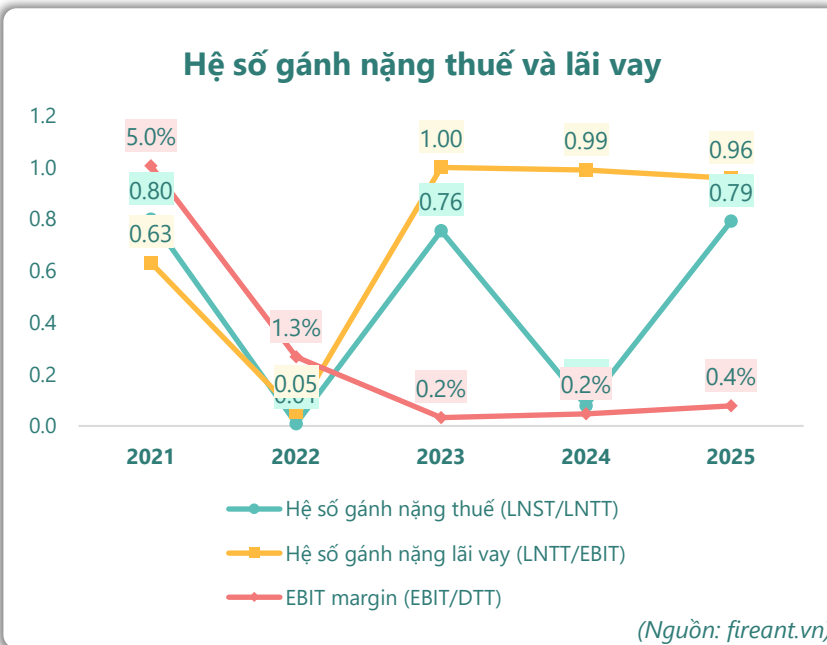
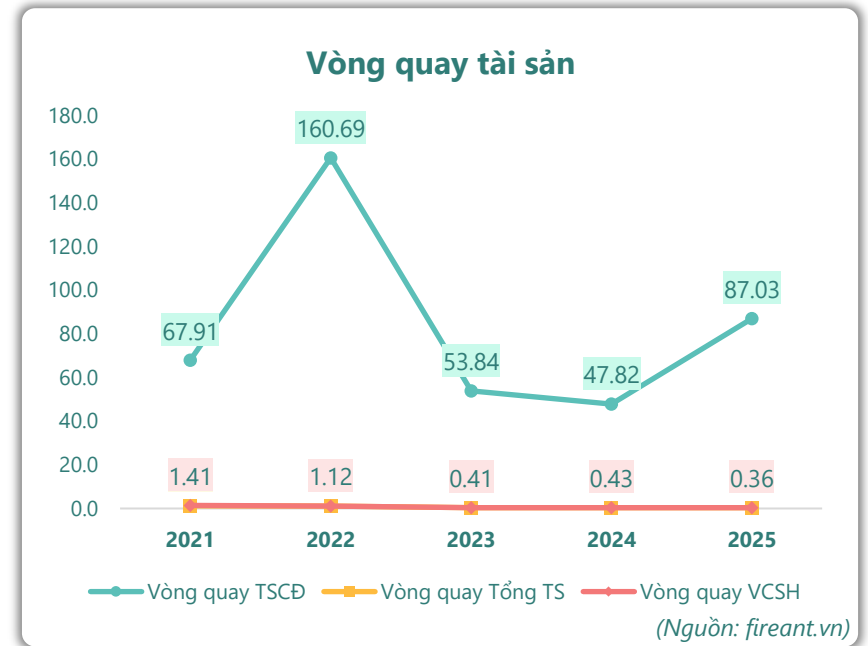
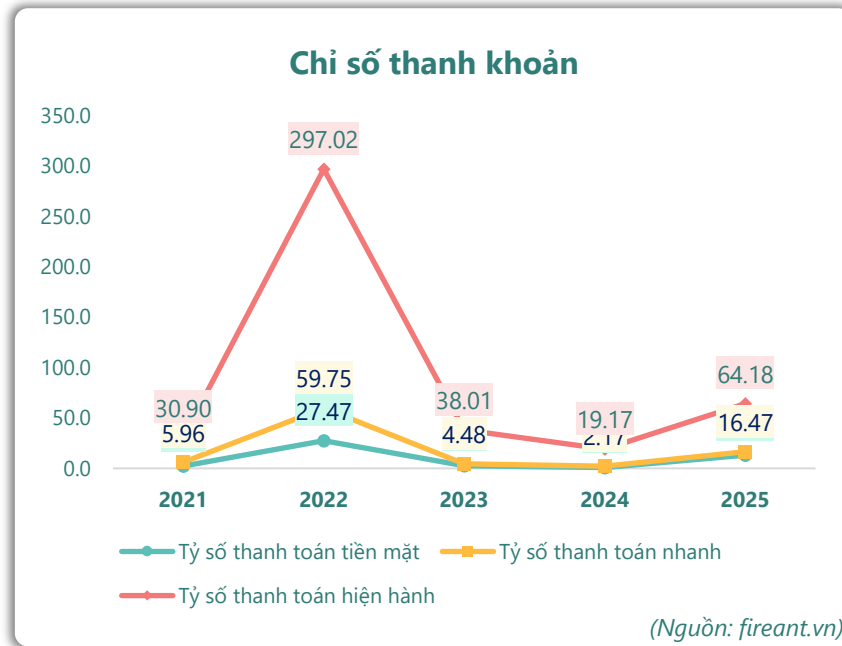
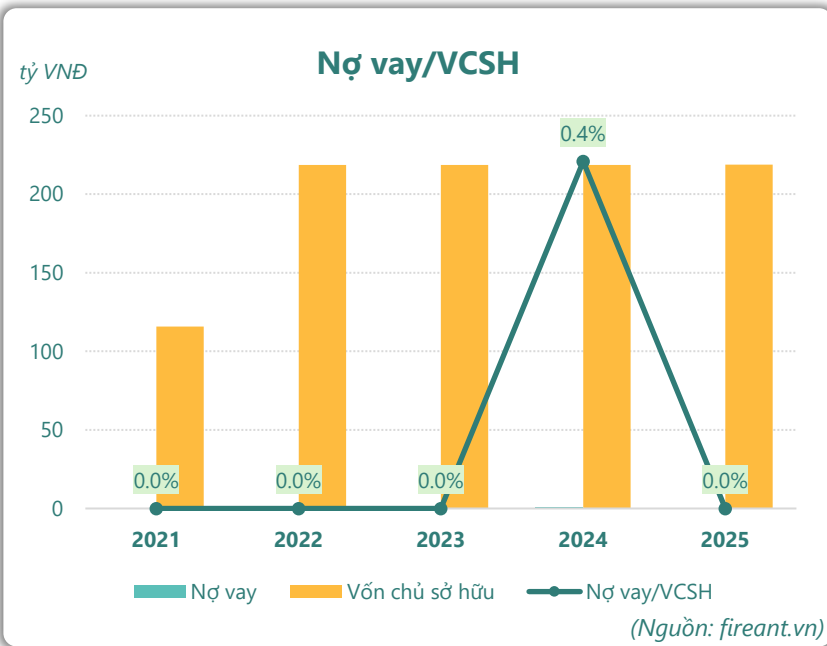
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	19.9	26.3	-24.4%	79.4	94.9	-16.4%
Giá vốn hàng bán	18.9	25.0	-24.3%	75.1	89.1	-15.8%
Lợi nhuận gộp	0.95	1.27	-24.9%	4.29	5.75	-25.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	9.1%
Chi phí TC	0	0.00		0.02	0.00	812%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.01	0.00	491%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.31	0.55	-44.1%	1.52	2.20	-30.9%
Chi phí QLDN	0.62	0.61	1.3%	2.48	2.59	-4.3%
LN thuần từ HĐKD	0.03	0.11	-74.0%	0.28	0.96	-71.1%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.01	82.5%	0.02	-0.75	102%
LN trước thuế	0.03	0.10	-73.1%	0.29	0.22	36.8%
Lợi nhuận sau thuế	0.02	0.08	-73.1%	0.23	0.02	1293%
LNST của CĐ cty mẹ	0.02	0.08	-73.1%	0.23	0.02	1293%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.86	-4.48	-1.96	0.48	0.62	16.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	1.34	-0.12	0.12	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0.97	-0.97	0	0	0
Tiền đầu kỳ	6.95	7.81	4.29	2.71	3.07	3.81
Lưu chuyển tiền thuần	0.86	-3.51	-1.58	0.36	0.74	16.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.81	4.29	2.71	3.07	3.81	20.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	220	224	-1.6%
Tài sản ngắn hạn	102	104	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	20.5	4.29	377%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	5.59	7.05	-20.6%
Hàng tồn kho	75.5	92.0	-18.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.39	-100%
Tài sản dài hạn	119	120	-1.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.21	1.62	-87.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	68.4	68.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	50.4	50.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.58	5.41	-70.8%
Nợ ngắn hạn	1.58	5.41	-70.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.97	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.17	4.12	-96.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	219	219	0.1%
Vốn chủ sở hữu	219	219	0.1%
Vốn điều lệ	217	217	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

